

THUYẾT MINH

Dự toán ngân sách xã Phú Thịnh năm 2024 trình HĐND xã

Căn cứ luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ biên bản thảo luận ngân sách ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa UBND xã Phú Thịnh, Chi cục thuế khu vực Sông Công – Đại Từ, Phòng Tài chính – Kế hoạch.

UBND xã Phú Thịnh thuyết minh dự toán ngân sách xã Phú Thịnh năm 2024 trình HĐND cấp xã như sau:

1. Thu ngân sách:

Dự toán thu ngân sách năm 2024: 5.566.167.000 đồng (Ngân sách xã hưởng: 5.284.167.000 đồng) trong đó: thu cân đối ngân sách năm 2024: 450.000.000 đồng (ngân sách xã hưởng: 168.000.000đ), thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.829.989.000 đồng, thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2024 chuyển sang: 286.178.000 đồng.

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2023		Ghi chú
		Tổng thu NS	NS xã hưởng	
	Tổng thu (I+II+III+IV)	5.566.167	5.284.167	
I	Thu cân đối	450.000	168.000	
1	Thu ngoài quốc doanh	49.000	49.000	
	Thuế GTGT	49.000	49.000	
2	Thuế thu nhập cá nhân	94.000	94.000	
	Thuế TNCN từ chuyển quyền bất động sản	260.000		
	Thuế TNCN từ SXKD	22.000		
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	78.000	78.000	
5	Thu phí lệ phí	25.000	25.000	

	Lệ phí môn bài	10.000	10.000	
	Lệ phí chứng thu	15.000	15.000	
6	Thu khác tại xã	16.000	16.000	
II	Thu trợ cấp	4.829.989	4.829.989	
1	Trợ cấp cân đối	4.829.989	4.829.989	
2	Trợ cấp có mục tiêu	-	-	
III	Thu chuyển nguồn	286.178	286.178	

2. Chi ngân sách.

Năm 2024 là năm thứ hai thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025, do vậy định mức chi thường xuyên sẽ thực hiện theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2024. Ngoài ra năm 2024 bổ sung thêm một số chế độ chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành (Kinh phí khoán cho người tham gia công việc của xóm, tổ dân phố; kinh phí toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh; chế độ phụ cấp dân phòng...), hỗ trợ kinh phí may trang phục cho Hội đồng nhân dân và hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác cải cách hành chính, đề án 06 và chuyển đổi số... và theo kết quả thảo luận ngân sách ngày 31 tháng 10 năm 2024 giữa UBND xã Phú Thịnh, Chi cục thuế khu vực Sông Công – Đại Từ, Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Định mức phân bổ cho cán bộ công chức và cán bộ chuyên trách cấp xã là 105 triệu đồng/biên chế/năm bao gồm cả chi khác. Ngoài định mức trên được bổ sung 130 triệu đồng/năm để chi các nội dung đặc thù của xã (đã bao gồm kinh phí hỗ trợ hoạt động của HĐND cấp xã, kinh phí hỗ trợ công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng).

Định mức phân bổ kinh phí hoạt động các đoàn thể: Mặt trận tổ quốc: 12 triệu đồng/năm. Các đoàn thể còn lại (Đoàn Thanh niên cộng sản HCM, hội Cựu chiến binh, hội Liên hiệp phụ nữ, hội Nông dân): 10 triệu đồng/năm.

Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân: 5 triệu đồng/năm, Ban giám sát đầu tư cộng đồng: 10 triệu đồng/năm.

BCĐ toàn dân đoàn kết XD ĐSCH: 30 triệu đồng/năm. Kinh phí thực hiện ở khu dân cư: 8 triệu đồng/khu dân cư/năm.

Sự nghiệp văn hóa thông tin là: 35 triệu đồng/năm, sự nghiệp thể dục thể thao là: 25 triệu đồng/năm, sự nghiệp kinh tế: 35 triệu đồng/năm. Hỗ trợ

hoạt động đảm bảo xã hội 10 triệu đồng/năm. Chi hoạt động quốc phòng an ninh: 75 triệu đồng/năm.

Dự toán chi ngân sách năm 2024: 5.284.167.000 đồng. Trong đó:

-Chi thường xuyên: 4.831.645.000 đồng.

-Tiết kiệm chi 10% tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2023: 76.344.000 đ

-Nguồn cải cách tiền lương năm 2023 chuyển sang chi cải cách tiền lương năm 2024: 286.178.000 đồng.

-Dự phòng: 90.000.000 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số chi phân bổ năm 2024 đã trừ tiết kiệm chi	Ghi chú
A	B	I	2
	Tổng cộng (A+B+C)	5.284.167.000	
A	Tổng chi ngân sách xã(I+II)	4.831.645.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi đầu tư XDCB		
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	4.831.645.000	
I	Chi công tác dân quân TV, ANTT	754.719.596	
	Chi dân quân tự vệ	420.455.596	
	- Chi lương, BH, KPCĐ chỉ huy trưởng	75.103.152	
	- Chi PC, BHXH, BHYT chỉ huy phó	32.720.400	
	- Chi chỉ huy phó (trách nhiệm, phụ cấp đặc thù, thâm niên)	22.966.860	
	- Chính trị viên, chính trị viên phó, chỉ huy trưởng	12.516.000	
	- Trung đội trưởng cơ động (trách nhiệm + đặc thù)	5.364.000	
	- Thôn đội trưởng (PC hàng tháng + trách nhiệm, tổ dân quân tại chỗ)	114.432.000	
	- Tiểu đội trưởng (chức vụ + đặc thù)	8.046.000	
	- Khẩu đội trưởng cối	1.788.000	
	- Chi phụ cấp thâm niên chỉ huy trưởng, chính trị viên phó	9.329.784	
	- Chi huấn luyện	100.689.400	
	- Chi thường xuyên	37.500.000	
	Chi an ninh trật tự	334.264.000	
	- Chi PC công an xã bán chuyên trách	207.408.000	

STT	Nội dung	Số chi phân bổ năm 2024 đã trừ tiết kiệm chi	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>
	- Phụ cấp dân phòng	64.356.000	
	- Hỗ trợ công an chính quy	25.000.000	
	- Chi thường xuyên	37.500.000	
2	Sự nghiệp y tế	3.000.000	
3	phụ cấp nhân viên y tế	53.640.000	
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	31.500.000	
5	Sự nghiệp thể dục, thể thao	22.500.000	
6	Sự nghiệp kinh tế	31.500.000	
	Sự nghiệp giao thông	9.000.000	
	SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	22.500.000	
	Sự nghiệp thị chính	0	
	Thương mại, dịch vụ	0	
	Các sự nghiệp khác	0	
7	Sự nghiệp xã hội	59.648.600	
	Hưu xã và trợ cấp khác	26.844.000	
	BHYT	804.600	
	Khác	10.000.000	
	Chi chúc thọ, mừng thọ	22.000.000	
8	Chi QL nhà nước, đảng, đoàn thể	3.875.136.804	
8.1	Quản lý nhà nước	2.251.261.474	
8.1.1	Hội đồng nhân dân	302.229.200	
	- Chi lương, PC phó CT HĐND	86.181.600	
	- Chi PC đại biểu HĐND	107.280.000	
	- 4,5% BHYT đại biểu	8.046.000	
	- Trang phục đại biểu HĐND	50.000.000	
	- Chi PC ban kinh tế, pháp chế	5.721.600	
	- Chi khác	45.000.000	
8.1.2	Ủy ban nhân dân	1.949.032.274	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	787.444.140	
	- Chi PC, BHXH, BHYT NTM	29.144.400	
	- Chi PC, BHXH, BHYT Lao động BVTE	30.932.400	
	- Chi PC, BHXH, BHYT thú y	29.144.400	
	- Chi PC Trưởng xóm	207.408.000	
	- Người hoạt động ở xóm (10 xóm)	163.000.000	

STT	Nội dung	Số chi phân bộ năm 2024 đã trừ tiết kiệm chi	Ghi chú
A	B	I	2
	- Công tác xã hội tình nguyện	16.092.000	
	- Công tác viên thú y	26.820.000	
	- Chi thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính, đề án 06	50.000.000	
	- Tiền điện thấp sáng	60.000.000	
	- Tiền mạng	7.000.000	
	- Hợp đồng xã	35.760.000	
	- Chi khen thưởng	23.000.000	
	- Chi thường xuyên	483.286.934	
8.2	Đảng cộng sản Việt Nam	688.448.600	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	245.224.200	
	- Chi PC, BHXH, BHYT VP Đảng	32.720.400	
	- Chi PC cấp uỷ	75.096.000	
	- Chi hoạt động cấp uỷ (bồi dưỡng phục vụ, hội nghì, kiểm tra, giám sát)	20.000.000	
	- Chi PC BTCB	207.408.000	
	- Chi thường xuyên	108.000.000	
8.3	Mặt trận tổ quốc	385.206.910	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	77.478.510	
	- Chi PC, BHXH, BHYT Phó CT MTTQ	32.720.400	
	- Chi PC Trưởng Ban MT	118.008.000	
	- Chi thường xuyên	12.000.000	
	- Chi cụm dân cư (10 xóm x 8tr)	80.000.000	
	- Chi BCĐ KDC	30.000.000	
	- Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đô thị văn minh	20.000.000	
	- Chi thanh tra nhân dân	5.000.000	
	- Chi giám sát cộng đồng	10.000.000	
8.4	Đoàn thanh niên CSHCM	115.304.260	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	76.159.860	
	- Chi PC, BHXH, BHYT Phó BT Đoàn	29.144.400	
	- Chi thường xuyên	10.000.000	
8.5	Hội phụ nữ Việt Nam	93.942.130	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	54.797.730	
	- Chi PC Phó Hội PN	29.144.400	
	- Chi thường xuyên	10.000.000	

STT	Nội dung	Số chi phân bổ năm 2024 đã trừ tiết kiệm chi	Ghi chú
A	B	I	2
8.6	Hội nông dân Việt Nam	127.092.260	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	76.159.860	
	- Chi PC, BHXH, BHYT Phó Hội ND	30.932.400	
	- Chi thường xuyên	20.000.000	Xã bổ sung thêm 10 triệu đại hội
8.7	Hội cựu chiến binh Việt Nam	106.601.170	
	- Chi lương, BHXH, BHYT, KPCĐ	67.456.770	
	- Chi PC, BHXH, BHYT Phó Hội CCB	29.144.400	
	- Chi thường xuyên	10.000.000	
8.8	Hội người cao tuổi	21.456.000	
	- Chi phụ cấp chi hội trưởng	21.456.000	
8.9	Hội chữ thập đỏ	21.456.000	
	- Chi phụ cấp chi hội trưởng	21.456.000	
8.10	Hội nạn nhân chất độc da cam	16.092.000	
8.11	Hội Cựu TNXP	16.092.000	
8.12	Hội Khuyến học	16.092.000	
8.13	Hội đồng y	16.092.000	
B	Tiết kiệm chi 10% năm 2023 để cải cách tiền lương	76.344.000	
C	Nguồn cải cách tiền lương năm 2023 chuyển sang để chi cải cách tiền lương	286.178.000	
D	Dự phòng	90.000.000	

Trên đây là thuyết minh dự toán ngân sách xã Phú Thịnh năm 2024 trình HĐND cấp xã./.

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Tùng